TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **102**/2025/HS-PT
Ngày: 15/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán: ông **Lê Văn Thường**

bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Phương Mai**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Vân**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 276/2025/TLPT-HS ngày 06 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Hồ Quốc B cùng các bị cáo khác về tội "*Giết người*".

Do có kháng cáo của các bị cáo, kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HS-ST-CTN ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Hồ Quốc B**;** sinh ngày 15 tháng 12 năm 2007, tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 03 tháng 09 ngày); nơi cư trú: 12 đường H, tổ A, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Công T và bà Trần Thị T1; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 27-6-2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, thành phố Đà Nẵng khởi tố bị can về tội "Gây rối trật tự công cộng", theo Quyết định số 237/QĐ-ĐCSHS;

- Ngày 12-8-2023, bị Công an quận C, thành phố Đà Nẵng phạt tiền 3.250.000 đồng về hành vi "Cố ý gây thương tích", theo Quyết định số 216/QĐ-XPHC;

Bị tạm giữ ngày 24-3-2024; có mặt.

2. Biện Hải H; sinh ngày 02 tháng 11 năm 2007, tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 04 tháng 22 ngày); nơi cư trú: tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường A, thành phố Đà Nẵng); nơi tạm trú: 47 đường C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Biện Hải H1 và bà Lê Thị Bích N; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 27-6-2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, thành phố Đà Nẵng khởi tố bị can về tội "Gây rối trật tự công cộng", theo Quyết định số 238/QĐ-ĐCSHS;

- Ngày 12-6-2023, bị Công an quận C, thành phố Đà Nẵng phạt cảnh cáo về hành vi "Trộm cắp tài sản", theo Quyết định số 156;

Bị tạm giữ ngày 24-3-2024; có mặt.

3. Lê Tân Hoàng T2; sinh ngày 28 tháng 10 năm 2006, tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 04 tháng 26 ngày); nơi cư trú: tổ C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tân V1 và bà Trương Thị N1; tiền án, tiền sự: không;

Bị tạm giữ ngày 24-3-2024; có mặt.

4. Nguyễn Ngọc Minh Q; sinh ngày 11 tháng 6 năm 2007, tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 09 tháng 13 ngày); nơi cư trú: tổ E, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc C và bà Trương Thị Ngọc Á; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 06-9-2023, bị Công an quận C, thành phố Đà Nẵng phạt cảnh cáo về hành vi "Trộm cắp tài sản", theo Quyết định số 82/QĐ-XPHC;

- Ngày 20-3-2023, bị Công an quận N, thành phố Đà Nẵng phạt cảnh cáo về hành vi "Trộm cắp tài sản", theo Quyết định số 77/QĐ-XPHC;

Bị tạm giữ ngày 24-3-2024; có mặt.

5. Nguyễn T3**;** sinh ngày 28 tháng 10 năm 2005, tại Đà Nẵng; nơi cư trú: tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường A, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn S1 và bà Ngô Thị Thu T4; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: ngày 10-4-2024, bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", thời gian

chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, theo Bản án số 33/2024/HS-ST;

Bị tạm giữ ngày 24-3-2024; có mặt.

6. Nguyễn Tấn P***;*** sinh ngày 11 tháng 4 năm 2007, tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 08 tháng 13 ngày); nơi cư trú: tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn N2 và bà Nguyễn Thị L; tiền án, tiền sự: không;

Bị tạm giữ ngày 24-3-2024; có mặt.

7. Lê Anh Q1***;*** sinh ngày 03 tháng 7 năm 2007, tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 08 tháng 21 ngày); nơi cư trú: tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M 1982 và bà Nguyễn Ngọc Bích T5; tiền án, tiền sự: không;

Bị tạm giữ ngày 24-3-2024; có mặt.

8. Đỗ Giáo Tôn Q2***;*** sinh ngày 14 tháng 3 năm 2008, tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 10 ngày); nơi cư trú: số G đường N, tổ H, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là phường S, thành phố Đà Nẵng); nơi tạm trú: tổ F, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Giáo Trưởng D và bà Nguyễn Thị C1; tiền án, tiền sự: không;

Bị tạm giữ ngày 24-3-2024; có mặt.

9. Nguyễn Ngọc Minh H2***;*** sinh ngày 21 tháng 3 năm 2008, tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 03 ngày); nơi cư trú: H01/07 K đường N, tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị L3; tiền án, tiền sự: không;

Bị tạm giữ ngày 24-3-2024; có mặt.

10. Nguyễn Nghiêm Quang H3**;** sinh ngày 18 tháng 8 năm 2008, tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 15 tuổi 07 tháng 06 ngày); nơi cư trú: K đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng); nơi tạm trú: tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Nghiêm Quang D1 và bà Nguyễn Thị N3; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: ngày 06-9-2023, bị Công an quận C, thành phố Đà Nẵng phạt cảnh cáo về hành vi "Trộm cắp tài sản", theo Quyết định số 80;

Bị tạm giữ ngày 24-3-2024; có mặt.

11. Vũ Hoàng L1**;** sinh ngày 24 tháng 11 năm 2007, tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 04 tháng); nơi cư trú: 73 đường B, tổ F, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng); nơi tạm trú: tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình T6 và bà Lê Liễu L2; tiền án, tiền sự: không;

Bị tạm giữ ngày 24-3-2024; có mặt.

12. Phan Huy H4**;** sinh ngày 04 tháng 4 năm 2008, tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 15 tuổi 11 tháng 20 ngày); nơi cư trú: tổ C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Hữu B1 và bà Nguyễn Thị H5; tiền án, tiền sự: không;

Bị tạm giữ ngày 24-3-2024; có mặt.

13. Phùng Văn Quốc Đ1***;*** sinh ngày 22 tháng 11 năm 2008, tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 15 tuổi 04 tháng 02 ngày); nơi cư trú: tổ C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn Đ2 và bà Nguyễn Thị Cẩm L3; tiền án; tiền sự: không;

Bị tạm giữ ngày 24-3-2024; có mặt.

14. Đoàn Anh K***;*** sinh ngày 16 tháng 12 năm 2008, tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 15 tuổi 03 tháng 08 ngày); nơi cư trú: D đường P, tổ E, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn M1 và bà Nguyễn Thị N4; tiền án, tiền sự: không;

Bị tạm giữ ngày 24-3-2024; có mặt.

15. Phạm Văn H6**;** sinh ngày 31 tháng 10 năm 2008, tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 15 tuổi 04 tháng 23 ngày); nơi cư trú: tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N5 và bà Nguyễn Thị N6; tiền án, tiền sự: không;

Bị tạm giữ ngày 24-3-2024; có mặt.

16. Nguyễn Quốc N7**;** sinh ngày 22 năm 7 năm 2007, tại Đà Nẵng (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 08 tháng 02 ngày); nơi cư trú: tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính:

nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tất L4 và bà Nguyễn Thị Q3; tiền án, tiền sự: không;

Bị tạm giữ ngày 24-3-2024; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Hồ Công T, sinh năm 1983 và bà Trần Thị T1, sinh năm 1989; nơi cư trú: A đường H, tổ A, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng) là cha, mẹ của bị cáo Hồ Quốc B; có mặt;

2. Ông Biện Hải H1, sinh năm 1975 và bà Lê Thị Bích N, sinh năm 1976; nơi cư trú: D đường C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng) là cha, mẹ của bị cáo Biện Hải H; có mặt;

3. Ông Lê Tân V1, sinh năm 1981 và bà Trương Thị N1, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng) là cha, mẹ của bị cáo Lê Tân Hoàng T2; có mặt;

4. Bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1968; nơi cư trú: tổ A phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng) là mẹ của bị cáo Nguyễn Nghiêm Quang H3; có mặt;

5. Ông Vũ Đình T6, sinh năm 1976 và bà Lê Liễu L2, sinh năm 1983; nơi cư trú: G đường B, tổ F phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng) là cha, mẹ của bị cáo Vũ Hoàng L1; có mặt;

6. Ông Đỗ Giáo Trưởng D, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ F, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng) là cha, mẹ của bị cáo Đỗ Giáo Tôn Q2; có mặt;

7. Ông Nguyễn Tấn N2, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; nơi cư trú: tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng) là cha, mẹ của bị cáo Nguyễn Tấn P; có mặt;

8. Ông Phùng Văn Đ2, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị Cẩm L3, sinh năm 1984; nơi cư trú: tổ C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng) là cha, mẹ của bị cáo Phùng Văn Quốc Đ1; có mặt;

9. Ông Đoàn Văn M1, sinh năm 1989 và bà Nguyễn Thị N4, sinh năm 1991; nơi cư trú: D đường P, tổ E, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng) là cha, mẹ của bị cáo Đoàn Anh K; có mặt;

10. Ông Phan Hữu B1, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng) là cha, mẹ của bị cáo Phan Huy H4; có mặt;

11. Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1972 và bà Trương Thị Ngọc Á, sinh năm 1977; nơi cư trú: tổ E, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng) là cha, mẹ của bị cáo Nguyễn Ngọc Minh Q; có mặt;

12. Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng) là mẹ của bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H2; có mặt;

13. Ông Lê Văn M, sinh năm 1982; nơi cư trú: tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng) là cha của bị cáo Lê Anh Q1; có mặt;

14. Ông Phạm Văn N5, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị N6, sinh năm 1974; nơi cư trú: tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng) là cha, mẹ của bị cáo Phạm Văn H6; có mặt;

15. Ông Nguyễn Tất L4, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Q3, sinh năm 1977; nơi cư trú: tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường C, thành phố Đà Nẵng) là cha, mẹ của bị cáo Nguyễn Quốc N7; có mặt;

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Ông Phạm Lý H7, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Hồ Quốc B và bị cáo Lê Tân Hoàng T2; có mặt;

2. Ông Võ Văn Đ3, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Biện Hải H; có mặt;

3. Ông Nguyễn Hoài B2, là Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Dương Gia thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ và ông Chế Giang S, là Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nguyễn Gia thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng ; đều có mặt;

4. Ông Nguyễn Văn P1, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Nghiêm Quang H3; có mặt;

5. Ông Lê Ngọc Đ4, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Vũ Hoàng L1 và bị cáo Phạm Văn H6; có mặt;

6. Bà Phan Thị T7, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Đỗ Giáo Tôn Q2; có mặt;

7. Ông Nguyễn Thanh S1, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn P; có mặt;

8. Ông Trần Văn Đ5, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Phùng Văn Quốc Đ1; có mặt;

9. Ông Lê Hữu P2, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Đoàn Anh K; có mặt;

10. Ông Trần Tuấn L5, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Phan Huy H4; có mặt;

11. Ông Nguyễn Ngọc C2, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Minh Q và bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H2; có mặt;

12. Ông Nguyễn Lê V2, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Lê Anh Q1; có mặt;

13. Bà Nguyễn Thị H8, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc N7; có mặt;

14. Bà Trần Thị D2, là Luật sư Công ty L7 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc N7; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Hồ Quốc B và các đối tượng trong nhóm "*Cẩm Lệ*" có mâu thuẫn với nhóm "*Hòa Tiến*" từ trước nên 02 bên thường nhắn tin hẹn gặp đánh nhau. Khoảng 23 giờ ngày 23/3/2024, B biết được thông tin nhóm "*Hòa Tiến*" đi qua địa bàn quận C thành phố Đà Nẵng nên đã điện thoại thông báo và rủ Nguyễn Thanh T8 đi tìm đánh nhóm "*Hòa Tiến*". T8 thông báo và rủ các đối tượng còn lại trong nhóm tập trung tại Tượng đài Liệt sĩ phường H để đi đánh nhóm "*Hòa Tiến*" thì tất cả đồng ý. Lúc này, Biện Hải H và Lê Tân Hoàng T2 về nhà H để lấy 07 cây dao phóng lợn và 02 cây tuýp sắt mang đến, rồi cả nhóm đến khu vực cuối đường T lấy thêm vỏ chai thủy tinh làm hung khí đi đánh nhau. Nhóm "*Cẩm Lệ*" gồm 21 đối tượng, di chuyển trên 09 xe mô tô đi qua các tuyến đường từ T - đường T - chung cư H - C – cầu Hòa Xuân đoạn Phạm H7 giao Nguyễn Hồng Á1, cụ thể: Nguyễn Ngọc Minh H2 điều khiển xe Honda Air Blade, biển số 43K1-61287 chở Lê Việt T9 cầm theo 01 dao phóng lợn và Vũ Hoàng L1 cầm theo 01 dao phóng lợn, 03 vỏ chai thủy tinh; Biện Hải H điều khiển xe Yamaha Winner, biển số 92F1-35920 chở Lê Tân Hoàng T2 cầm theo 01 dao phóng lợn, 03 vỏ chai thủy tinh; Lê Anh Q1 điều khiển xe Yamaha Sirius, biển số 72F1-21806 chở Phan Huy H4 cầm theo 01 tuýp sắt, 02 vỏ chai thủy tinh; Nguyễn Ngọc Minh Q điều khiển xe Honda Air Blade, biển số 43E1-67378 chở Nguyễn Tấn P cầm 01 dao phóng lợn và Đỗ Giáo T10 Quyền cầm 02 vỏ chai thủy tinh; Phạm Văn H6 điều khiển xe Yamaha Exciter, biển số 43F1-22847 chở Nguyễn Nghiêm Quang H3 cầm 01 dao phóng lợn, 02 vỏ chai thủy tinh; Nguyễn Văn P3 điều khiển xe Honda Vario, biển số 43C2-08901 mang theo 01 vỏ chai thủy tinh chở Phùng Văn Quốc Đ1 cầm 01 tuýp sắt; Nguyễn Văn Đ6 điều khiển xe Honda Air Blade, biển số 43G1-544296 chở Nguyễn T3 cầm 01 dao phóng lợn; Nguyễn Quốc N7 điều khiển xe Yamaha Sirius, biển số 43G1-49296 chở Đoàn Anh K cầm 01 dao phóng lợn; Nguyễn Đức Trung H9 điều khiển xe Honda Air Blade, biển số 43G1-56682 chở Nguyễn Thanh T8 cầm 01 dao phóng lợn và Hồ Quốc B cầm 02 vỏ chai thủy tinh.

Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 24/3/2024, các đối tượng nhóm "Cẩm Lệ" di chuyển đến khu vực ngã tư đường P giao đường N thuộc xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng thì gặp nhóm "*Hòa Tiến*" gồm 14 đối tượng, đi trên 07 xe mô tô các loại, gồm: Ngô Ngọc P4 điều khiển xe Honda Air Blade, biển số 43K-1063971 chở Phan Hồng V3; Ngô Ngọc Q4 điều khiển xe Honda Air Blade, biển số 43AA-63029 chở Ngô Ngọc V4; Phan Mạnh Q5 điều khiển xe Honda Vario, biển số 47P1-32852 chở Nguyễn Ngô Văn Trường T11; Ngô Trường N8 điều khiển xe

Honda Wave, biển số 43K1-65289 chở Nguyễn Thế T12; Trần Hải R điều khiển xe Honda Wave, biển số 43K1-56887 chở Đặng Quốc Đ7; Nguyễn Phước A điều khiển xe Honda Air Blade, biển số 43K1-64744 chở Lê Văn Nhật K1; Nguyễn Lương Bảo T13 điều khiển xe Honda Air Blade, biển số 43AC-00734 chở Nguyễn Phước T14 cầm theo 01 cây ba chỉa.

Thấy nhóm "*Cẩm Lệ*" đông và có nhiều hung khí nên nhóm "*Hòa Tiến*" điều khiển xe quay đầu bỏ chạy theo đường Nguyễn Hồng Á1 về hướng Quốc lộ A. Lúc này, nhóm "C" sử dụng vỏ chai thủy tinh ném về phía nhóm "*Hòa Tiến*" nhưng không trúng ai, rồi điều khiển xe đuổi theo nhóm "*Hòa Tiến*". Trên đường bỏ chạy, Ngô Ngọc P4 chở Phan Hùng V5 tự ngã xe xuống đường; nhóm "*Cẩm Lệ*" chạy ngang qua thấy P4 và V5 ngã xe nhưng vẫn tiếp tục điều khiển xe đuổi đánh nhóm "*Hòa Tiến*", đến cuối đường N thì đuổi kịp xe Nguyễn Lương Bảo T13 chở Nguyễn Phước T14 nên T13 và T14 bỏ lại xe chạy bộ thoát vào đường kiệt. Nhóm "*Cẩm Lệ*" tiếp tục đuổi theo nhóm "*Hòa Tiến*" đến đường ĐT 605 thì không đuổi kịp nên quay lại đường N để tìm đánh Nguyễn Lương Bảo T13, Nguyễn Phước T14, Ngô Ngọc P4 và Phan Hồng V3.

Các đối tượng nhóm "*Cẩm Lệ*" gồm, Nguyễn Ngọc Minh H2 chở Lê Việt T9 và Vũ Hoàng L1 quay lại đường N thì gặp Nguyễn Lương Bảo T13 đang đứng trên đường nên cả 03 dừng lại, cầm cán dao phóng lợn, vỏ chai thủy tinh đuổi theo, đánh trúng vào lưng, chân của T13 nhưng không gây thương tích đối với T13. Các đối tượng còn lại trong nhóm "*Cẩm Lệ*" điều khiển xe quay lại nơi Phan Hồng V3 và Ngô Ngọc P4 bị ngã xe thì thấy P4 nằm bất động ở dưới đường, còn V3 đang ngồi trên lề đường. Lúc này, Biện Hải H điều khiển xe Honda Winner, biển số 92F1-35920 húc vào tay, chân của V3 02 lần rồi lùi xe lại thì V3 ngã nằm xuống đường; Lê Tân Hoàng T2 sử dụng cán dao phóng lợn đánh từ trên xuống dưới trúng vào đầu V3 đang đội mũ bảo hiểm; Nguyễn Thanh T8 dùng tay, chân đánh vào người V3; Nguyễn Ngọc Minh Q dùng tuýp sắt đánh 02 cái vào lưng V3. Lúc này, các đối tượng còn lại có mặt tại hiện trường, ngồi trên xe mô tô chứng kiến H, T2, T8 và Q đánh V3; bỏ mặc hậu quả xảy ra, gồm: Nguyễn Ngọc Minh H2, La Việt T15, Vũ Hoàng L1, Lê Anh Q1, Phan Huy H4, Nguyễn Tấn P, Đỗ Giáo Tôn Q2, Phạm Văn H6, Nguyễn Nghiêm Quang H3; Nguyễn Văn P3, Phùng Văn Quốc Đ1, Nguyễn Văn Đ6, Nguyễn T3, Nguyễn Quốc N7, Đoàn Anh K; Nguyễn Đức Trung H9 và Hồ Quốc B. Trên đường về, các đối tượng đã vứt các hung khí tại khu vực cầu vượt H. Phan Hồng V3 được người dân gọi xe cấp cứu chở đến bệnh viện thì đã tử vong.

Kết luận giám định tử thi số 231/KLGĐTT-KTHS ngày 26-3-2024 của Phòng K2, Công an thành phố Đ ***đối với*** Phan Hồng V3, ***như sau:***

- Khám ngoài: Vùng trán, gò má bên trái có nhiều vết xây xát da, không liên tục, nằm trên diện (8x7)cm. Vùng thái dương bên phải có vết sưng nề nằm trên diện (5x4)cm; trên nền sưng nề có vết thâm tím da cơ, kích thước (2x2)cm. Vùng ngực bụng bên phải có nhiều vết thâm tím, xây xát da không liên tục, nằm trên diện (25x23)cm. Vùng khuỷu tay bên phải có vết thâm tím xây xát da, nằm trên diện (3x2)cm. Vùng 1/2 dưới mặt sau cẳng tay bên phải có nhiều vết xây xát da, nằm trên diện (6x4)cm. Vùng mu bàn tay bên phải có vết xây xát da, nằm trên

diện (6x5)cm. Vùng mặt trước đùi và gối bên phải có nhiều vết xây xát da không liên tục, nằm trên diện (26x14)cm. Vùng mặt trước 1/3 dưới đùi bên trái và gối trái có nhiều vết xây xát da không liên tục, nằm trên diện (15x11)cm. Vùng mặt trước 1/3 trên cẳng chân bên trái có nhiều vết xây xát da không liên tục, nằm trên diện (6x4)cm. Vùng thắt lưng hông bên phải có vết xây xát da, nằm trên diện (9x8)cm. Kiểm tra hệ thống xương khớp: gãy kín phức tạp 1/3 xương trụ cẳng tay bên phải.

- Khám trong: Tiến hành giải phẫu tử thi, kiểm tra thấy:

+ Vùng đầu: Tổ chức da cơ vùng thái dương bên phải bầm tụ máu. Không phát hiện tổn thương xương hộp sọ và tổ chức não.

+ Vùng bụng: Trong khoang bụng có chứa nhiều dịch máu lẫn cục máu đông, khoảng 1000ml. Nứt vỡ mặt trước tổ chức gan bên trái. Nứt vỡ phức tạp mặt trước trên, mặt dưới tổ chức gan bên phải.

- Kết luận: Nguyên nhân tử vong của Phan Hồng V3 là do vỡ gan gây mất máu cấp, suy hô hấp, trụy tim mạch.

Tại Văn bản số 174/KTHS-Đ2(PY) ngày 02-4-2024 của Phòng K2, Công an thành phố Đ V/v giải thích kết luận giám định pháp y:

- Thương tích gây tử vong cho Phan Hồng V3: Vùng ngực bụng bên phải có nhiều vết thâm tím, xây xát da không liên tục, nằm trên diện (25x23)cm. Vết thương này gây nứt vỡ mặt trước tổ chức gan trái và nứt vỡ phức tạp mặt trước trên, mặt dưới tổ chức gan phải gây mất máu cấp dẫn đến suy hô hấp, trụy tim mạch và tử vong.

- Các thương tích trên người Phan Hồng V3 do tai nạn giao thông gây ra: Vùng trán, gò má bên trái có nhiều vết xây xát da, không liên tục, nằm trên diện (8x7)cm. Vùng khuỷu tay bên phải có vết thâm tím xây xát da, nằm trên diện (3x2)cm. Vùng 1/2 dưới mặt sau cẳng tay bên phải có nhiều vết xây xát da, nằm trên diện (6x4)cm. Vùng mu bàn tay bên phải có vết xây xát da, nằm trên diện (6x5)cm. Vùng mặt trước đùi và gối bên phải có nhiều vết xây xát da không liên tục, nằm trên diện (26x14)cm. Vùng mặt trước trong 1/3 dưới đùi bên trái và gối trái có nhiều vết xây xát da không liên tục, nằm trên diện (15x11)cm. Vùng mặt trước 1/3 trên cẳng chân bên trái có nhiều vết xây xát da không liên tục, nằm trên diện (6x4)cm. Vùng thắt lưng hông bên phải có vết xây xát da, nằm trên diện (9x8)cm. Thương tích tại các vùng này, có đặc điểm đều tạo nên vết xây xát, thâm tím da không liên tục, đa chiều hướng phù hợp do tai nạn giao thông gây ra.

- Các thương tích trên người Phan Hồng V3 không phải do tai nạn giao thông gây ra:

+ Vùng thái dương bên phải có vết sưng nề nằm trên diện (5x4)cm; trên nền sưng nề này có vết thâm tím da cơ, kích thước (2x2)cm. Vết thương này có vùng thâm tím đậm màu ở trung tâm, nhạt dần ra xung quanh và ra xa, trên nền vết thương không có xây xát. Đặc điểm vết thương phù hợp với vết thương do vật tày không có góc cạnh gây nên.

+ Vùng ngực bụng bên phải có nhiều vết thâm tím không liên tục, nằm trên diện (25x23)cm; trên diện thâm tím này có kèm theo vài điểm xây xát da không liên tục. Đặc điểm của các vết thâm tím này không nằm trên cùng một mặt phẳng, phân bố đậm màu chủ yếu ở ba vùng khác nhau. Vùng thứ nhất tương ứng với vùng gan trái, vùng thứ hai tương ứng với vùng gan phải và vùng thứ ba tương ứng với đường nách trước bên phải. Đặc điểm của các vùng thâm tím này phù hợp do vật tày không có góc cạnh gây nên.

Kết luận giám định pháp y tâm thần số 1068/KLGĐ ngày 24-6-2024 của Trung tâm P6 ***đối với*** Nguyễn Quốc N7***, như sau:***

- Trước thời điểm gây án: Về y học: Rối loạn sự thích ứng với rối loạn hỗn hợp cảm xúc và hành vi (F43.25). Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

- Tại thời điểm gây án ngày 24/3/2024: Rối loạn sự thích ứng với rối loạn hỗn hợp cảm xúc và hành vi (F43.25). Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

- Thời điểm hiện tại: Rối loạn sự thích ứng với rối loạn hỗn hợp cảm xúc và hành vi (F43.25). Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Kết luận pháp y tâm thần số 2270/KLGĐ ngày 13-12-2024 của Trung tâm P6 ***về tình trạng tâm thần của*** Phạm Văn H6***, như sau:***

- Trước khi gây án: Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Rối loạn đặc hiệu về đọc (F81.0). Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

+ Trong khi gây án (ngày 24/3/2024): Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Rối loạn đặc hiệu về đọc (F81.0). Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

+ Thời điểm hiện tại: Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Rối loạn đặc hiệu về đọc (F81.0). Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Về bồi thường thiệt hại:

- Quá trình điều tra, người đại diện hợp pháp của bị hại Phan Hồng V3 là ông Phan Hùng X và bà Nguyễn Thị N9 yêu cầu 21 bị cáo bồi thường tổng số tiền 500.000.000 đồng, trong đó 250.000.000 đồng tiền mai táng và 250.000.000 đồng tiền tổn thất về tinh thần. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho bị hại Phan Hồng V3 là ông Phan Hùng X và bà Nguyễn Thị N9 yêu cầu bồi thường tổng số tiền 409.000.000 đồng, trong đó thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm là 175.000.000 đồng và tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho cha mẹ bị hại là 234.000.000 đồng; đã bồi thường được 197.000.000 đồng, còn tiếp tục phải bồi thường 212.000.000 đồng.

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp và gia đình của 21 bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền **197.000.000** đồng, cụ thể: Hồ Quốc B 5.000.000 đồng, Nguyễn Thanh T8 24.000.000 đồng, Lê Tân Hoàng T2 5.000.000 đồng, Nguyễn Nghiêm Quang H3 10.000.000 đồng, Lê Việt T9 10.000.000 đồng, Vũ Hoàng L1 24.000.000 đồng, Đỗ Giáo T10 Quyền 7.000.000 đồng, Nguyễn Tấn P 24.000.000 đồng, Phùng Văn Quốc Đ1 4.000.000 đồng, Nguyễn Trọng 1 đồng, Đoàn Anh K 5.000.000 đồng, Phan Huy H4 10.000.000 đồng, Nguyễn Đức Trung H9 3.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc Minh H2 3.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc Minh Q 24.000.000 đồng, Nguyễn Văn P3 3.000.000 đồng, Nguyễn Văn Đ6 2.000.000 đồng, Lê Anh Q1 5.000.000 đồng, Nguyễn Quốc N7 10.000.000 đồng, Biện Hải H 7.000.000 đồng và Phạm Văn H6 2.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HS-ST-CTN ngày 24/5/2025, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định: tuyên bố các bị cáo Hồ Quốc B, Biện Hải H, Lê Tân Hoàng T2, Nguyễn T3, Nguyễn Nghiêm Quang H3, Vũ Hoàng L1, Đỗ Giáo Tôn Q2, Nguyễn Tấn P, Phùng Văn Quốc Đ1, Đoàn Anh K, Phan Huy H4, Nguyễn Ngọc Minh Q, Nguyễn Ngọc Minh H2, Lê Anh Q1, Phạm Văn H6 và Nguyễn Quốc N7 phạm tội "*Giết người*".

- Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hồ Quốc B 14 (mười bốn) năm tù về tội "Giết người". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

- Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Biện Hải H 14 (mười bốn) năm tù về tội "Giết người". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

- Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Tân Hoàng T2 14 (mười bốn) năm tù về tội "Giết người". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

- Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Minh Q 14 (mười bốn) năm tù về tội "Giết người". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

- Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng 11 (mười ba) năm tù về tội "Giết người". Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 33/2024/HS-ST ngày 10-4-2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng buộc bị cáo Nguyễn Trọng P5 chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

- Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P 07 (bảy) năm tù về tội "Giết người". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

- Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Anh Q1 06 (sáu) năm tù về tội "Giết người". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

- Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Giáo T10 **Quyền** 06 (sáu) năm tù về tội "Giết người". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

- Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H2 06 (sáu) năm tù về tội "Giết người". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

- Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nghiêm Quang H3 05 (năm) năm tù về tội "Giết người". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

- Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Vũ Hoàng L1 05 (năm) năm tù về tội "Giết người". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

- Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Huy H4 05 (năm) năm tù về tội "Giết người". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

- Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phùng Văn Quốc Đ1 05 (năm) năm tù về tội "Giết người". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

- Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đoàn Anh K 05 (năm) năm tù về tội "Giết người". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

- Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H6 05 (năm) năm tù về tội "Giết người". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

- Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, q, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc N7 05 (năm) năm tù về tội "Giết người". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, quyết định phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn quy định, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung cụ thể như sau:

- Các bị cáo Hồ Quốc B, Biện Hải H, Nguyễn Ngọc Minh Q, Nguyễn T3, Lê Tân Hoàng T2, Nguyễn Tấn P, Lê Anh Q1, Đỗ Giáo Tôn Q2, Nguyễn Ngọc Minh H2, Nguyễn Nghiêm Quang H3, Vũ Hoàng L1, Phùng Văn Quốc Đ1 kháng cáo với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt;

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hồ Quốc B là ông Hồ Công T và bà Trần Thị T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Nghiêm Quang H3 là bà Nguyễn Thị N3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Hoàng L1 là ông Vũ Đình T6 và bà Lê Liễu L2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Tấn P là ông Nguyễn Tấn N2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phan Huy H4 là ông Phan Hữu B1 và bà Nguyễn Thị H5 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Ngọc Minh Q là ông Nguyễn Ngọc C và bà Trương Thị Ngọc Á kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H2 là bà Nguyễn Thị L3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Anh Q1 là ông Lê Văn M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Quốc N7 là ông Nguyễn Tấn L6 và bà Nguyễn Thị Q3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Tân Hoàng T2 là bà Trương Thị N1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo;

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phùng Văn Quốc Đ1 là bà Nguyễn Thị Cẩm L3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo;

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đoàn Anh K là bà Nguyễn Thị N4 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo;

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Văn H6 là ông Phạm Văn N5 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo;

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Tân Hoàng T2 rút kháng cáo; các bị cáo còn lại có kháng cáo và những người đại diện hợp pháp của các bị cáo có kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo;

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của tất cả các bị cáo có kháng cáo và không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của các bị cáo có kháng cáo; giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với tất cả các bị cáo.

- Những người bào chữa cho các bị cáo trình bày quan điểm thống nhất về tội danh mà Toà sơ thẩm đã xét xử các bị cáo. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại hình phạt của bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là quá nghiêm khắc. Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình các bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền mà Toà sơ thẩm tuyên buộc các bị cáo bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại; khi phạm tội, các bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức có phần hạn chế, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội do bị rủ rê lôi kéo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tinh thần của Luật Tư pháp người chưa thành niên và giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Hồ Quốc B, Biện Hải H, Nguyễn Ngọc Minh Q, Nguyễn T3, Nguyễn Tấn P, Lê Tân Hoàng T2, Lê Anh Q1, Đỗ Giáo Tôn Q2, Nguyễn Ngọc Minh H2, Nguyễn Nghiêm Quang H3, Vũ Hoàng L1, Phùng Văn Quốc Đ1 và người đại diện hợp pháp của các bị cáo Hồ Quốc B, Lê Tân Hoàng T2, Nguyễn Nghiêm Quang H3, Vũ Hoàng L1, Nguyễn Tấn P, Phùng Văn Quốc Đ1, Đoàn Anh K, Phan Huy H4, Nguyễn Ngọc Minh Q, Nguyễn Ngọc Minh H2, Lê Anh Q1, Phạm Văn H6, Nguyễn Quốc N7 kháng cáo bản án sơ thẩm; Đơn kháng cáo của các chủ thể kháng cáo là trong thời hạn quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Bị cáo Lê Tân Hoàng T2 tự nguyện rút kháng cáo, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo T2.

[2]. Xét các nội dung kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của những người đại diện hợp pháp của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. Về tội danh:

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Tòa án cấp sơ thẩm quy kết và xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên toà

là phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 24/3/2024, tại khu vực đường N thuộc xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng các đối tượng trong nhóm "*Cẩm Lệ*" gồm: Hồ Quốc B, Nguyễn Thanh T8, Biện Hải H, Lê Tân Hoàng T2, Nguyễn T3, Lê Việt T9, Nguyễn Nghiêm Quang H3, Vũ Hoàng L1, Đỗ Giáo Tôn Q2, Nguyễn Tấn P, Phùng Văn Quốc Đ1, Đoàn Anh K, Phan Huy H4, Nguyễn Ngọc Minh Q, Nguyễn Đức Trung H9, Nguyễn Ngọc Minh H2, Nguyễn Văn P3, Nguyễn Văn Đ6, Lê Anh Q1, Phạm Văn H6 và Nguyễn Quốc N7 mang theo hung khí gồm 07 cây dao phóng lợn, 02 tuýp sắt và 14 vỏ chai thủy tinh chở nhau di chuyển trên 09 xe mô tô các loại đuổi đánh nhóm "*Hòa Tiến*" gồm 14 đối tượng đi trên 07 xe mô tô, dẫn đến việc Ngô Ngọc P4 điều khiển xe mô tô chở Phan Hồng V3 thuộc nhóm "*Hòa Tiến*" bị ngã xe. Sau đó, Biện Hải H điều khiển xe mô tô húc vào người Phan Hồng V3; Lê Tân Hoàng T2 sử dụng cán dao phóng lợn; Nguyễn Thanh T8 sử dụng tay, chân; Nguyễn Ngọc Minh Q dùng tuýp sắt đánh vào vùng đầu, ngực, bụng, lưng của V3; các đối tượng còn lại bao gồm: Nguyễn Ngọc Minh H2, Lê Việt T9, Vũ Hoàng L1, Lê Anh Q1, Phan Huy H4, Nguyễn Tấn P, Đỗ Giáo Tôn Q2, Phạm Văn H6, Nguyễn Nghiêm Quang H3, Nguyễn Văn P3, Phùng Văn Quốc Đ1, Nguyễn Văn Đ6, Nguyễn T3, Nguyễn Quốc N7, Đoàn Anh K, Nguyễn Đức Trung H9 và Hồ Quốc B có mặt tại hiện trường, ngồi trên xe mô tô chứng kiến H, T2, T8 và Q1 đánh V3, nhưng bỏ mặc hậu quả xảy ra. Hậu quả Phan Hồng V3 tử vong do bị vỡ gan gây mất máu cấp, suy hô hấp, trụy tim mạch.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng kết tội Hồ Quốc B, Biện Hải H, Lê Tân Hoàng T2, Nguyễn Ngọc Minh Q, Nguyễn T3, Nguyễn Tấn P, Lê Anh Q1, Đỗ Giáo Tôn Q2, Nguyễn Ngọc Minh H2, Nguyễn Nghiêm Quang H3, Vũ Hoàng L1, Phan Huy H4, Phùng Văn Quốc Đ1, Đoàn Anh K, Phạm Văn H6 và Nguyễn Quốc N7 "*Giết người*" với tình tiết định khung "*Có tính chất côn đồ*" theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, thấy rằng:

Các bị cáo trong vụ án đã đồng ý thống nhất, cùng nhau chuẩn bị hung khí nguy hiểm là dao phóng lợn, tuýp sắt, vỏ chai thuỷ tinh để đi đánh nhau nên các bị cáo đồng phạm trong việc thực hiện tội phạm. Các bị cáo nhận thức được hành vi điều khiển xe mô tô đâm vào người bị hại, dùng cán dao phóng lợn, tuýp sắt là hung khí nguy hiểm đánh vào vùng đầu, lưng, vai bị hại có thể gây chết người nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện và để mặc cho hậu quả xảy ra, bị hại Phan Hồng V3 tử vong bởi các vết thương do các bị cáo gây ra; giữa các bị cáo và bị hại không quen biết, không có mâu thuẫn nhưng các bị cáo đã vô cớ tước đoạt sinh mạng người bị hại. Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, thể hiện tính chất côn đồ, coi thường tính mạng, sức khoẻ người khác, gây mất trật tự trị an xã hội và gây bất bình trong quần chúng nhân dân.

Xem xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

- Đối với Hồ Quốc B: bị cáo là người khởi xướng, rủ đồng phạm và tổ chức việc thực hiện tội phạm; bị cáo chuẩn bị hung khí là 2 vỏ chai thuỷ tinh mang theo, bị cáo có nhân thân xấu nên cần phải xử phạt mức án nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo. Hồ Quốc B rủ rê Nguyễn Thanh T8, sau đó T8 thông báo và rủ rê 18 bị cáo khác dưới 18 tuổi tham gia đi đánh nhau, nên Hồ Quốc B phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*" quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Toà án cấp sơ thẩm đánh giá bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Đối với các bị cáo Biện Hải H và Lê Tân Hoàng T2, Nguyễn Ngọc Minh Q: các bị cáo tham gia chuẩn bị, cất giấu hung khí, lấy 07 cây dao phóng lợn và 02 tuýp sắt từ nhà Biện Hải H để các đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội. Biện Hải H và Lê Tân Hoàng T2, Nguyễn Ngọc Minh Q là người thực hành rất tích cực và nguy hiểm. H là người trực tiếp điều khiển xe mô tô đâm, húc vào bị hại Phan Hồng V3; bị cáo còn có nhân thân xấu, đã bị khởi tố về tội "*Gây rối trật tự công cộng*" và bị phạt cảnh cáo về hành vi "*Trộm cắp tài sản*"; bị cáo T2 dùng cán dao phóng lợn đánh vào đầu là vị trí trọng yếu trên người bị hại; Nguyễn Ngọc Minh Q điều khiển xe chở Nguyễn Tấn P và Đỗ Giáo T10 Quyền cầm theo hung khí và bị cáo dùng tuýp sắt đánh 02 cái vào lưng, vai bị hại V3 nên cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo H, T2, Q. Toà án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương đương bị cáo Hồ Quốc B và cao hơn các bị cáo khác trong vụ án là có căn cứ;

- Đối với Nguyễn T3: bị cáo là người đã đủ 18 tuổi, nhưng khi được rủ đi đánh nhau thì đã tham gia ngay và trực tiếp sử dụng 01 cây dao phóng lợn để truy tìm và đuổi đánh nhóm "*Hòa Tiến*"; bị cáo đã bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*", nên bị cáo phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại trong vụ án là phù hợp.

- Đối với các bị cáo còn lại gồm: Nguyễn Ngọc Minh H2, Vũ Hoàng L1, Lê Anh Q1, Phan Huy H4, Nguyễn Tấn P, Đỗ Giáo Tôn Q2, Phạm Văn H6, Nguyễn Nghiêm Quang H3, Phùng Văn Quốc Đ1, Đoàn Anh K và Nguyễn Quốc N7, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người giúp sức, cầm theo hung khí, điều khiển xe mô tô hỗ trợ đồng bọn; Vũ Hoàng L1 cầm 02 vỏ chai thủy tinh; Nguyễn Ngọc Minh H2 điều khiển xe chở T9 và L1 đuổi đánh Nguyễn Lương Bảo T13 trong nhóm "*Hòa Tiến*"; Nguyễn Nghiêm Quang H3 được Phạm Văn H6 điều khiển xe chở đi; H3 ngồi sau cầm 01 dao phóng lợn và 02 vỏ chai thủy tinh; quá trình truy đuổi nhóm "*Hòa Tiến*" đã ném 02 vỏ chai thủy tinh và dùng cán dao phóng lợn đánh vào lưng Nguyễn Lương Bảo T13; H3 đã bị Công an quận C, thành phố Đà Nẵng phạt cảnh cáo về hành vi "*Trộm cắp tài sản*"; Đỗ Giáo Tôn Q2 cầm 02 vỏ chai thủy tinh; Nguyễn Tấn P cầm 01 cây tuýp sắt; 02 bị cáo Q2 và P được Nguyễn Ngọc Minh Q điều khiển xe chở đi và Q lấy cây tuýp sắt từ P đánh 02 cái vào lưng bị hại V3; Nguyễn Văn P3 điều khiển xe chở Phùng Văn Quốc Đ1 ngồi sau cầm 01 cây tuýp sắt và 01 vỏ chai thủy tinh; Nguyễn Quốc N7 điều khiển xe chở Đoàn Anh K ngồi sau cầm 01 dao phóng lợn; Lê Anh Q1 điều khiển xe chở Phan Huy H4 ngồi sau cầm 01 cây tuýp sắt và 02 vỏ chai thủy tinh. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi mà các bị cáo

đã thực hiện, phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng cũng như phục vụ công tác đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội.

Sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình các bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại. Toà án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo là đúng pháp luật; bị cáo Nguyễn Quốc N7, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Văn H6 là người rối loạn đặc hiệu về đọc; các bị cáo Lê Tân Hoàng T2, Đỗ Giáo Tôn Q2, Nguyễn Tấn P, Vũ Hoàng L1 và Phan Huy H4 thuộc trường hợp gia đình có công với cách mạng; bị cáo Hồ Quốc B thuộc trường hợp gia đình có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Khi phạm tội, các bị cáo Hồ Quốc B, Biện Hải H, Lê Tân Hoàng T2, Nguyễn Ngọc Minh Q, Nguyễn Tấn P, Lê Anh Q1, Đỗ Giáo Tôn Q2, Nguyễn Ngọc Minh H2, Nguyễn Nghiêm Quang H3, Vũ Hoàng L1, Phan Huy H4, Phùng Văn Quốc Đ1, Đoàn Anh K, Phạm Văn H6 và Nguyễn Quốc N7 đều chưa đủ 18 tuổi nên Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa đủ 18 tuổi phạm tội và áp dụng quy định tại Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật; mức hình phạt tù mà Toà cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là tương xứng, phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Biện Hải H, Đỗ Giáo Tôn Q2, Nguyễn Ngọc Minh H2 và đại diện hợp pháp cho các bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H2, Lê Tân Hoàng T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

Đối với các bị cáo Hồ Quốc B, Nguyễn Ngọc Minh Q, Nguyễn Tấn P, Lê Anh Q1, Nguyễn T3, Nguyễn Nghiêm Quang H3, Vũ Hoàng L1, Phan Huy H4, Phùng Văn Quốc Đ1, Đoàn Anh K, Phạm Văn H6 và Nguyễn Quốc N7: tại phiên toà phúc thẩm, đại diện các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện: Nguyễn Ngọc Minh Q đã tác động gia đình bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Hồng V6 là ông Phan Hùng X và bà Nguyễn Thị N9 số tiền 13.260.000đ; Hồ Quốc B đã tác động gia đình bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Hồng V6 là ông Phan Hùng X và bà Nguyễn Thị N9 số tiền 13.260.000đ, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo có xác nhận của chính quyền địa phương; Phùng Văn Quốc Đ1 đã tác động gia đình bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Hồng V6 là ông Phan Hùng X và bà Nguyễn Thị N9 số tiền 6.200.000đ; Nguyễn T3 đã tác động gia đình bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Hồng V6 là ông Phan Hùng X và bà Nguyễn Thị N9 số tiền 6.200.000đ và nộp tiền án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm; Vũ Hoàng L1 đã tác động gia đình bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Hồng V6 là ông Phan Hùng X và bà Nguyễn Thị N9 số tiền 10.000.000đ, bị cáo có nhiều thành tích trong học tập, cha mẹ bị cáo là ông Vũ

Đình T6 và bà Lê Liễu L2 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhì, hạng Ba; Nguyễn Quốc N7 đã tác động gia đình bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Hồng V6 là ông Phan Hùng X và bà Nguyễn Thị N9 số tiền 6.200.000đ, ông bà nội bị cáo là người có công với N10, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; Đoàn Anh K đã tác động gia đình bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Hồng V6 là ông Phan Hùng X và bà Nguyễn Thị N9 số tiền 6.200.000đ; Nguyễn Nghiêm Quang H3 đã tác động gia đình bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Hồng V6 là ông Phan Hùng X và bà Nguyễn Thị N9 số tiền 6.200.000đ; Phan Huy H4 đã tác động gia đình bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Hồng V6 là ông Phan Hùng X và bà Nguyễn Thị N9 số tiền 6.200.000đ, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo có nhiều thành tích trong hoạt động Đoàn tại địa phương; Nguyễn Tấn P đã tác động gia đình bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Hồng V6 là ông Phan Hùng X và bà Nguyễn Thị N9 số tiền 6.200.000đ; Lê Anh Q1 đã tác động gia đình bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Hồng V6 là ông Phan Hùng X và bà Nguyễn Thị N9 số tiền 6.200.000đ; Phạm Văn H6 đã tác động gia đình bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Hồng V6 là ông Phan Hùng X và bà Nguyễn Thị N9 số tiền 7.000.000đ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, giảm cho mỗi bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của những người bào chữa cho các bị cáo Hồ Quốc B, Nguyễn Ngọc Minh Q, Nguyễn Tấn P, Lê Anh Q1, Nguyễn T3, Nguyễn Nghiêm Quang H3, Vũ Hoàng L1, Phan Huy H4, Phùng Văn Quốc Đ1, Đoàn Anh K, Phạm Văn H6 và Nguyễn Quốc N7 tại phiên toà. Các khoản tiền gia đình các bị cáo nộp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm được khấu trừ trong quá trình thi hành án.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Biện Hải H, Đỗ Giáo Tôn Q2, Nguyễn Ngọc Minh H2 và đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Tân Hoàng T2 là bà Trương Thị N1 phải chịu theo quy định;

Các bị cáo Hồ Quốc B, Nguyễn Ngọc Minh Q, Nguyễn T3, Nguyễn Tấn P, Lê Anh Q1, Nguyễn Nghiêm Quang H3, Vũ Hoàng L1, Phùng Văn Quốc Đ1 và đại diện hợp pháp cho các bị cáo, Phan Huy H4, Đoàn Anh K, Phạm Văn H6 và Nguyễn Quốc N7 không phải chịu.

[4]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Biện Hải H, Đỗ Giáo Tôn Q2, Nguyễn Ngọc Minh H2 và kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Tân Hoàng T2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HS-ST-CTN ngày 25/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với các bị cáo.

1.1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Biện Hải H 14 (mười bốn) năm tù về tội "*Giết người*". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

1.2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Lê Tân Hoàng T2 14 (mười bốn) năm tù về tội "G*iết người*". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

1.3. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Đỗ Giáo T10 **Quyền** 06 (sáu) năm tù về tội "*Giết người*". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

1.4. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H2 06 (sáu) năm tù về tội "*Giết người*". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Quốc B, Nguyễn Ngọc Minh Q, Nguyễn T3, Nguyễn Tấn P, Lê Anh Q1, Nguyễn Nghiêm Quang H3, Vũ Hoàng L1, Phùng Văn Quốc Đ1 và kháng cáo của đại diện hợp pháp cho các bị cáo Hồ Quốc B, Nguyễn Ngọc Minh Q, Nguyễn Tấn P, Lê Anh Q1, Nguyễn Nghiêm Quang H3, Vũ Hoàng L1, Phan Huy H4, Phùng Văn Quốc Đ1, Đoàn Anh K, Phạm Văn H6, Nguyễn Quốc N7.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2025/HS-ST-CTN ngày 25/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần hình phạt đối với các bị cáo.

2.1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Hồ Quốc B 13 (mười ba) năm tù về tội "*Giết người*". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

2.2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc Minh Q 13 (mười ba) năm tù về tội "*Giết người*". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

2.3. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn T3** 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Giết người*". Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 33/2024/HS-ST ngày 10/4/2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà

Nẵng, buộc bị cáo Nguyễn Trọng P5 chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 14 (mười bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

2.4. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Tấn P 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Giết người*". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

2.5. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Lê Anh Q1 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Giết người*". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

2.6. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Nghiêm Quang H3 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Giết người*". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

2.7. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Vũ Hoàng L1 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Giết người*". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

2.8. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Phan Huy H4 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Giết người*". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

2.9. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Phùng Văn Quốc Đ1 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Giết người*". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

2.10. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Đoàn Anh K 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Giết người*". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

2.11. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Phạm Văn H6 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Giết người*". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

2.12. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, q, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Quốc N7 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Giết người*". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 3 năm 2024.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

- Các bị cáo Hồ Quốc B, Nguyễn Ngọc Minh Q, Nguyễn T3, Nguyễn Tấn P, Lê Anh Q1, Nguyễn Nghiêm Quang H3, Vũ Hoàng L1, Phùng Văn Quốc Đ1, Phan Huy H4, Đoàn Anh K, Phạm Văn H6, Nguyễn Quốc N7 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

- Các bị cáo Biện Hải H, Đỗ Giáo Tôn Q, Nguyễn Ngọc Minh H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm;

- Bà Trương Thị N phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GĐKT I;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA; P.HCTP; LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Kiên